

Số: 861/GPMT-UBND

Yên Bái, ngày 30 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công tác bảo vệ môi
trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét báo cáo thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án
Trung tâm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ tịa tỉnh Yên Bái số 133/BC-
TTĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tổ Thẩm định;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Dịch vụ Minh
Phượng tại Văn bản số 01/CV-MP ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc đề nghị
thẩm định giấy phép môi trường của Dự án Trung tâm Đăng kiểm phương tiện
cơ giới đường bộ tại tỉnh Yên Bái và hồ sơ kèm theo (đã được hoàn thiện bổ
sung tại Văn bản số 02/CV-MP ngày 15 tháng 5 năm 2023);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại
Tờ trình số 196/TTr-STNMT ngày 19 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Dịch vụ Minh Phượng địa chỉ tại
thôn Nước Mát, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái được thực hiện các
hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ
giới đường bộ tại tỉnh Yên Bái, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ tại tỉnh Yên Bái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Nước Mát, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Triển khai thực hiện trên diện tích 4.352,5 m² thuộc thôn Nước Mát, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Quy mô: Dự án nhóm C (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và có yếu tố nhạy cảm về môi trường; Quy mô hoạt động: 02 dây chuyền kiểm định loại II.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải (bao gồm cả quá trình vận hành thử nghiệm) bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Minh Phượng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

I. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của cán bộ, công nhân Trung tâm và một bộ phận khách đến kiểm định xe là 06 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật,...

II. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải là rãnh thoát nước của khu dân cư hiện trạng tại thôn Nước Mát, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái.

2. Vị trí xả nước thải

- Điểm xả thải nước thải sinh hoạt: Rãnh thoát nước của khu dân cư hiện trạng tại thôn Nước Mát, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái.

- Tọa độ xả nước thải sinh hoạt (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X=2400539,43; Y=509141,57

3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất là 6 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 0,25 m³/giờ.

3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý dẫn ra rãnh thoát nước của khu dân cư hiện trạng sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên trục đường Quốc lộ 37.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

3.2. Chế độ xả nước thải: Chảy gián đoạn.

3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (*hệ số K = 1,2*), với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN14:2008/BTNMT (cột B) hệ số K=1,2
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Nước thải phát sinh từ bồn cầu, chậu tiểu từ 02 nhà vệ sinh theo đường ống PVC D110 thu gom về bể tự hoại 03 ngăn và bể tổ hợp vi sinh theo cơ chế tự chảy, sau đó theo đường ống PVC D90 chảy ra hệ thống cống B400 và xả ra rãnh thoát nước của khu dân cư hiện trạng.

- Dọc theo tuyến cống chính thoát nước thải bố trí các giếng thăm tại các vị trí chuyển hướng dòng chảy (*khoảng cách trung bình 30 m/giếng thăm*).

b) Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy.

- Nước mưa trên mái nhà được thu theo đường ống U PVC D120 sau đó được dẫn về đường ống thoát nước chung của Trung tâm.

- Nước mưa tại mặt bằng của Trung tâm: Được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước xây chạy dọc hai bên Trung tâm (*rãnh BTCT B400, chiều dài 165,42 m*), trên hệ thống rãnh bố trí 06 hố ga (*kích thước mỗi hố 1,13 m x 1,13 m*). Toàn bộ nước mưa sau đó được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải từ bồn cầu, chậu tiểu phát sinh từ 02 nhà vệ sinh theo đường ống dẫn thu gom về bể tự hoại 03 ngăn (*kích thước bể 3,22 m x 2,22 m x 2,0 m*) theo cơ chế tự chảy, tiếp tục theo đường ống PVC D110 về bể tổ hợp vi sinh công suất 11 m³/ngày đêm. Sau đó, theo đường ống PVC D90 chảy ra hệ thống

công B400 và xả ra rãnh thoát nước của khu dân cư hiện trạng. Thông số kỹ thuật của bể bể tổ hợp vi sinh công suất 11 m³/ngày đêm như sau:

STT	Thông số	Thông số (DxRxH) (m)
1	Ngăn chứa kỵ khí	1,61 x 1,5 x 1,7
2	Ngăn chứa giá thể sinh học	0,8 x 1,5 x 1,7
3	Bể khử trùng	0,8 x 1,5 x 1,7
4	Tắm đan (4 tấm)	0,89 x 1,94

+ Quy trình xử lý: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn theo cơ chế tự chảy được dẫn sang bể tổ hợp vi sinh 03 ngăn, gồm: ngăn xử lý kỵ khí; ngăn chứa giá thể sinh học 03 lớp gồm: 01 lớp sỏi dày 40 cm; 01 lớp than hoạt tính dày 20 cm và 01 lớp giá thể vi sinh dạng bánh xe dày 20 cm. Nước thải sau đó được dẫn sang bể khử trùng có sử dụng viên nén CloraminB. trước khi thải ra ngoài môi trường. Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1,2).

+ Hóa chất sử dụng: Cloramin B; vật liệu sử dụng: Sỏi, than hoạt tính, giá thể vi sinh.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hệ thống rãnh thoát nước và lắng qua các hố ga trước khi thải ra môi trường (*Thông số kỹ thuật như điểm b, khoản 1, mục I, phần B Phụ lục này*).

II. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ khi dự án đã hoàn thành xây dựng các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường được cấp và đưa dự án vào hoạt động.

2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sinh hoạt trước và sau hệ thống xử lý (*trước khi thải ra môi trường*).

2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN14:2008/BTNMT (cột B) hệ số K=1,2
1	pH	-	5-9

2	BOD ₅	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải (75 ngày): Tần suất lấy mẫu 15 ngày/lần kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: Tần suất lấy mẫu 3 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh.

III. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

PHỤ LỤC 02:
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Trung tâm kiểm định và hoạt động kiểm định xe cơ giới,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC,...

II. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên khu vực thực hiện dự án, khoảng cách trung bình 10 m/cây.
- Yêu cầu các phương tiện ra vào khu vực dự án tuân thủ các quy định của khu dân cư và Trung tâm kiểm định như tắt máy trong thời gian chờ kiểm định xe, đảm bảo phân luồng giao thông,...
- Sắp xếp lịch kiểm định xe hợp lý đảm bảo không tập trung quá lớn số lượng phương tiện trong Trung tâm.
- Lắp đặt hệ thống quạt hút công nghiệp nhà đăng kiểm đảm bảo nhà xưởng thông thoáng.
- Lập nội quy ra/vào khu vực, lập biển cảnh báo, hướng dẫn xe lưu thông trong khu vực thực hiện dự án.
- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân.

III. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc chp phép bụi tại nơi làm việc; Quyết định số 3733:2002/BYT- Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

PHỤ LỤC 03:**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)**I. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Trong giai đoạn hoạt động, dự án phát sinh tiếng ồn hoạt động sinh hoạt, các phương tiện, thiết bị, máy móc của Trung tâm.

II. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lập nội quy ra/vào khu vực, lập biển cảnh báo, hướng dẫn xe lưu thông trong khu vực thực hiện dự án.

- Yêu cầu các phương tiện ra vào khu vực dự án tuân thủ các quy định của khu dân cư và Trung tâm kiểm định như tắt máy trong thời gian chờ kiểm định xe, đảm bảo phân luồng giao thông,...

- Lắp đặt đệm cao su và lò so chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn, hạn chế gây ra tiếng ồn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ trong quá trình hoạt động.

- Nhân viên làm việc sử dụng thiết bị bảo hộ lao động chống ồn.

- Tại khu vực công vào dự án, tiếp giáp với một số hộ dân sống xung quanh, Chủ dự án phải xây dựng hệ thống hàng rào bằng gạch cao 05m ngăn cách và giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động của dự án tới khu dân cư xung quanh. Đồng thời yêu cầu các phương tiện khi vào đăng kiểm thực hiện tắt máy trong quá trình chờ đăng kiểm và giữ trật tự chung trong khu vực.

PHỤ LỤC 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

I. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn cháy, hỏng; xăng, dầu thải; giẻ lau chứa thành phần nguy hại... với khối lượng trung bình khoảng 0,24 tấn/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã QL CTNH
1	Bóng đèn LED thải	rắn	02	16 01 06
2	Dầu phanh thải	lỏng	80	17 02 03
3	Xăng dầu thải	lỏng	70	17 06 02
4	Giẻ lau chứa thành phần nguy hại	rắn	50	18 02 01
5	Pin thải	rắn	30	19 06 05
6	Hộp chứa mực in thải	rắn	10	08 02 04
	Tổng cộng		242	

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp trong quá trình hoạt động phát sinh trung bình khoảng 36 kg/tháng. Đây hầu hết đều là các vỏ bìa carton, vỏ hộp, hộp xộp đều có thể tận dụng tái sử dụng hoặc bán cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xộp, chai nhựa, giấy carton,...với khối lượng trung bình khoảng 40,4 kg/ngày.

II. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí các thùng dung tích 100 lít để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 27 m² công trình xây tường, lợp tôn, nền bê tông chống thấm.

Chủ cơ sở có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý

chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, rãnh thu gom nước định kỳ nạo vét và thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom và vận chuyển xử lý.

3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác thải dung tích 50 lít tại khu nhà đăng kiểm để thu gom rác. Định kỳ thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

B. PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

I. Sự cố cháy nổ: Thực hiện đúng các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

II. Sự cố đối với công trình xử lý nước thải

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.
- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng để công trình hoạt động ổn định.
- Chuẩn bị sẵn sàng vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.
- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường, nếu xảy ra sự cố sẽ lập tức khóa van xả, nhanh chóng tiến hành sửa chữa. Hệ thống tạm thời dừng hoạt động để khắc phục sự cố. Khi khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động.

PHỤ LỤC 05:**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Giấy phép môi trường được phê duyệt và các nội dung khác tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thường xuyên vận hành công trình xử lý chất thải và phải xử lý đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động tại Trung tâm.

2. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Trung tâm đảm bảo theo quy định.

3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường như đã nêu trong Báo cáo.

5. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Trung tâm.

6. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Trung tâm khi được yêu cầu./.